

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/4/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị Phương H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 43, tổ 104, khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh B; Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lương Ngọc D, sinh 1973; địa chỉ: Số 43, tổ 104, khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh B; Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 23/12/2020 và tại bản tự khai ngày 01/02/2021, nguyên đơn chị Giáp Thị Phương H trình bày:*

Chị Giáp Thị Phương H và anh Lương Ngọc D là vợ chồng, sống chung với nhau từ năm 2001, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố

H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyền số 01 ngày 30/7/2001. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường hay cãi nhau dẫn đến mất dần tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm, việc ai nấy làm, ít quan tâm tới nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm nên chị H yêu cầu ly hôn. Trước đây, tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cả anh D và chị H đều thống nhất cùng nhau ký đơn. Tuy nhiên, đến giai đoạn hòa giải thì anh D thay đổi ý kiến không muốn cùng chị đến Tòa hoàn tất thủ tục ly hôn nhưng chị H vẫn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lương Quốc T, sinh ngày 21/02/2002, Lương Bảo N, sinh ngày 16/10/2005 và Lương Ngọc Thùy A, sinh ngày 17/01/2015. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con Lương Ngọc Thùy A, đồng ý giao con Lương Bảo N cho anh D nuôi dưỡng. Yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con Lương Ngọc Thùy A mỗi tháng 10.000.000 đồng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con Lương Bảo N. Riêng con Lương Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 23/12/2020 và Bản tự khai ngày 01/02/2021, bị đơn anh Lương Ngọc D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với chị Giáp Thị Phương H về quá trình tìm hiểu, kết hôn và những mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, do tính tình không hòa hợp, dần mất tình cảm với nhau nên vợ chồng không thể hàn gắn được. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2018 chị H bắt đầu ra ngoài mở quán ăn và kinh doanh bất động sản thì cách suy nghĩ và hành động của chị H thay đổi rất nhiều. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì không còn tiếng nói chung, không dễ dàng chia sẻ như trước đây. Chị H lại hay cho rằng anh D có tính gia trưởng, ít quan tâm chia sẻ, ích kỷ nhưng thực tế chúng tôi chỉ thỉnh thoảng cãi nhau mà chưa bao giờ xảy ra xô xát hay đánh nhau. Anh D và chị H đã ly thân gần 01 năm nay, việc ai nấy làm, ít quan tâm tới nhau. Về tình cảm thì vợ chồng không còn yêu nhau như ban đầu, nhưng anh D vẫn mong muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng như bây giờ để cho gia đình được đầy đủ, con cái có bố mẹ. Tuy nhiên, vì liên quan đến quyền lợi của bản thân mỗi người nên nếu chị H muốn ly hôn anh D vẫn đồng ý.

Quá trình làm Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con thì bản thân anh D hơi nóng giận nên đã cùng chị H ký vào đơn này. Nay anh D xác định và đề nghị như sau: Yêu cầu Tòa chuyển yêu cầu của tôi từ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con sang vụ án giải quyết để chị H đơn phương ly hôn anh D. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh D đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lương Quốc T, sinh ngày 21/02/2002, Lương Bảo N, sinh ngày 16/10/2005 và Lương Ngọc Thùy A, sinh ngày 17/01/2015. Trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn, đối với con Lương Bảo N nếu con yêu cầu ở với ai thì xin Tòa án giao con cho người đó, nếu con muốn ở với anh D

thì không cần chị H cấp dưỡng nuôi con, nếu con ở với chị H thì anh D sẽ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi mỗi tháng 10.000.000 đồng. Đối với bé Lương Ngọc Thùy A do bé còn nhỏ và là con gái nên tôi đồng ý giao con cho mẹ nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Riêng con Lương Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giáp Thị Phương H và bị đơn anh Lương Ngọc D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Ngày 25/02/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Giáp Thị Phương H và anh Lương Ngọc D tại địa phương và được ông Bùi Văn Đ là cán bộ Ban điều hành khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh B cung cấp: Quá trình chị Giáp Thị Phương H và anh Lương Ngọc D sinh sống tại địa phương, chính quyền không ghi nhận chị H, anh D có mâu thuẫn vì chị H, anh D không khai báo và cũng không có đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn gia đình. Do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào. Vấn đề con chung, công việc và thu nhập chính quyền địa phương cũng không biết nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giáp Thị Phương H đối với bị đơn anh Lương Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trước đây tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cả anh Lương Ngọc D và chị Giáp Thị Phương H thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc dân sự anh D không đồng ý cùng chị H hoàn tất thủ tục hòa giải để Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Như vậy, Tòa án đã đình chỉ giải quyết việc dân sự để chuyển sang vụ án để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Giáp Thị Phương H. Nguyên đơn chị Giáp Thị Phương H và anh Lương Ngọc D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh D theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Phương H và anh Lương Ngọc D là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ,

huyện Đ, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01 ngày 30/7/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị H trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, việc gì vợ chồng cũng không cùng thỏa thuận được, vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị H, anh D đã sống ly thân gần một năm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh D.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Việc vợ chồng chị H và anh D có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ, vì vợ chồng chị H và anh D không trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, thực tế chị H và anh D không còn sống chung với nhau gần một năm, cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị H, anh D đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, chị H còn làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành đối chất, hòa giải cho thấy cả chị H, anh D không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị H, anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Giáp Thị Phương H và anh Lương Ngọc D có 03 con chung tên Lương Quốc T, sinh ngày 21/02/2002, Lương Bảo N, sinh ngày 16/10/2005 và Lương Ngọc Thùy A, sinh ngày 17/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án cháu Lương Bảo N có nhu cầu muốn sống cùng cha và chị H cũng đồng ý nên việc giao cháu Lương Bảo N cho anh D nuôi dưỡng cũng phù hợp với ý nguyện của cháu. Đối với cháu Lương Ngọc Thùy A ghi nhận sự tự nguyện của anh D đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng. Riêng con Lương Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lương Ngọc D cấp dưỡng nuôi cháu Lương Ngọc Thùy A mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Lương Bảo N.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định

trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1, 2 Điều 81 và các điều 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giáp Thị Phương H đối với bị đơn anh Lương Ngọc D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Phương H được ly hôn với anh Lương Ngọc D.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lương Bảo N, sinh ngày 16/10/2005 cho anh Lương Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lương Ngọc Thùy A sinh ngày 17/01/2015 cho chị Giáp Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Lương Quốc T đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lương Ngọc D cấp dưỡng nuôi cháu Lương Ngọc Thùy A mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Lương Bảo Nguyên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh D, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh chị. Trường hợp chị H, anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H, anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Giáp Thị Phương H phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H, anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0051066 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Anh Lương Ngọc D phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Thị Nguyệt Ánh